

SỐ 52

PHẬT NÓI KINH ĐẠI SANH NGHĨA

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở tại làng Câu-lô, cùng đông đủ chúng Bí-sô. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở riêng một nơi, vào lúc nửa đêm, trong lòng bỗng sanh ý nghĩ: “Các pháp duyên sanh, nghĩa lý hết sức thâm diệu, khó mà hiểu được! Chỉ có Phật Thế Tôn đầy đủ Chánh Biến Tri mới khéo có thể thuyết giảng được”. Nghĩ như vậy xong, đến lúc trời sáng, Tôn giả liền ra khỏi nơi ở, đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi cung kính đảnh lễ, hỏi thăm sức khỏe xong, Tôn giả đứng qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con ở riêng một nơi, vào lúc nửa đêm, trong lòng bỗng suy nghĩ: “Các pháp duyên sanh là hết sức thâm diệu khó hiểu”. Cúi mong Đức Thế Tôn vì con mà diễn giảng, chỉ dạy.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Đúng như vậy! Đúng như vậy! Pháp duyên sanh ấy thật hết sức thâm diệu, khó thấy, khó hiểu, lại khó quán xét. Chỉ có các bậc Thánh giả đầy đủ trí thiện xảo mới có thể phân biệt, chứ không phải là đối tượng lãnh hội, lý giải của người ngu si. Vì sao vậy? Bởi vì những kẻ ngu si sanh đời này, đời sau, chết rồi sanh trở lại, luân hồi như vậy đều do không thấu rõ pháp duyên sanh này. A-nan nên biết, các pháp đều do nhân duyên kết hợp xoay vần lần lượt sanh, vì thế luân hồi mãi không thể chấm dứt. Do có sanh nên gọi đó là lão tử. Do sanh làm duyên nên có lão tử. Nếu không có sanh thì làm gì có lão tử? Do có duyên sanh đó nên kết hợp lần lượt cùng sanh. Từ duyên của loài thủy

www.daitangkinh.org

tộc nên sanh ra loài thủy tộc, duyên của loài chim bay nên sanh ra chim bay, duyên của các loại nên sanh ra các loại, cho đến duyên của loài người nên sanh ra loài người. Do duyên đó cho nên tất cả các loại chúng sanh theo nhân duyên hỗ tương mà được sanh khởi. A-nan nên biết, pháp sanh này là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên có lão tử. Do đó lão tử cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp sanh lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp hữu làm duyên, do hữu ấy nên khởi ra pháp sanh, pháp hữu nếu không thì làm gì có pháp sanh? Cho nên pháp hữu, như trước đã nói, khiến cho các loài lần lượt cùng sanh, không có chấm dứt. A-nan nên biết, pháp hữu ấy là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên khởi ra pháp sanh. Do đó pháp sanh cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp hữu lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp thủ làm duyên. Do pháp thủ nên khởi ra pháp hữu. Pháp thủ nếu không thì làm sao pháp hữu có được? A-nan nên biết, pháp thủ ấy là pháp hư vọng không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy khởi ra pháp hữu. Do đó pháp hữu cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp thủ lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp ái làm duyên. Nhân có pháp ái nên khởi sanh pháp thủ, pháp ái nếu không thì làm gì có pháp thủ? A-nan nên biết, do duyên pháp ái ấy nên khởi lên sự mong cầu. Mong cầu làm duyên liền có sở đắc, vì có sở đắc nên tâm không quyết định, do không quyết định nên không có nhàm chán và biết đủ; vì trong tâm không nhàm chán, biết đủ nên liền sanh ra hỷ tham, vì tham tạo duyên nên sanh ra ngã kiến, ngã kiến đã sanh liền có chấp thủ, chấp thủ làm duyên khiến tâm liền tán loạn, do tâm tán loạn liền sanh ra nói dối, tố tụng, tranh giành, dao gậy đánh nhau. Do nhân duyên ấy liền tạo ra các nghiệp bất thiện, các nghiệp như vậy đều do tán loạn mà sanh khởi. Nếu không tán loạn thì các nghiệp không sanh. Pháp tán loạn ấy lấy gì làm duyên? Lấy chấp thủ làm duyên. Do chấp thủ nên tâm mới tán loạn. Nếu không chấp thủ thì làm gì có tán loạn? Pháp chấp thủ ấy lấy gì làm duyên? Lấy ngã kiến làm duyên nên mới khởi ra chấp thủ. Ngã kiến nếu không có thì không có chấp thủ. Pháp ngã kiến ấy lấy gì làm duyên? Lấy hỷ tham làm duyên nên mới có ngã kiến. Hỷ tham nếu không có thì không có ngã kiến. Pháp hỷ tham ấy lấy gì làm duyên? Lấy nội tâm không nhàm chán,

biết đủ làm duyên. Vì không nhầm chán biết đủ nên có hỷ tham. Nếu nội tâm có nhầm chán, biết đủ thì không sanh hỷ tham. Nội tâm không nhầm chán, biết đủ lấy gì làm duyên? Lấy không quyết định làm duyên. Vì không quyết định nên liền không nhầm chán, biết đủ. Tâm nếu quyết định thì liền sanh nhầm chán biết đủ. Pháp không quyết định ấy lấy gì làm duyên? Lấy có sở đắc làm duyên. Vì có sở đắc nên liền không có quyết định. Nếu không sở đắc tâm liền quyết định. Pháp có sở đắc ấy lấy gì làm duyên? Lấy mong cầu làm duyên. Vì có mong cầu nên thì có sở đắc. Nếu không có mong cầu liền không có sở đắc. Các pháp như vậy điều do ái hợp với mong cầu làm duyên lần lượt sanh khởi. Nên biết pháp ái có hai loại, đó là dục ái và hữu ái. Do hai pháp ái ấy mà sanh ra các tội lỗi. A-nan nên biết, pháp Ái đó là pháp hư vọng, không rốt ráo. Do tập đó, nhân đó, sanh đó, duyên đó nên khởi lên pháp thủ. Do vậy pháp thủ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp ái lấy gì làm duyên? Đó là lấy pháp thọ làm duyên. Do duyên thọ mà khởi sanh pháp ái. Pháp thọ nếu không thì làm gì có pháp ái? A-nan nên biết, pháp thọ này là hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên khởi lên pháp ái. Do đó pháp ái ấy cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp thọ lấy gì làm duyên? Đó là lấy xúc làm duyên. Do duyên xúc nên khởi sanh pháp thọ. Pháp xúc nếu không thì làm gì có pháp thọ? Do duyên xúc nên khởi sanh pháp thọ. Nếu pháp xúc không có thì làm gì có pháp thọ. Do nhãn xúc làm duyên nên nội tâm sanh ra pháp thọ là lạc thọ, khổ thọ và phi khổ lạc thọ. Cũng như thế nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên cho nội tâm sanh ra các thọ, bởi vì tất cả các thọ ấy đều do pháp xúc lấy đó làm duyên. A-nan nên biết, pháp xúc đó là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy sanh ra pháp thọ, cho nên pháp thọ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp xúc lấy gì làm duyên? Đó là lấy lục xứ làm duyên. Do duyên lục xứ liền có pháp xúc. Lục xứ nếu không thì làm gì có pháp xúc? A-nan nên biết, pháp lục xứ đó là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy sanh ra pháp xúc, cho nên pháp xúc cũng không rốt ráo.

Lại nữa, lục xứ lấy gì làm duyên? Đó là lấy danh sắc làm duyên.

Do danh sắc nên liền sanh ra lục xứ. Danh sắc nếu không thì làm gì có lục xứ? Danh sắc ấy gồm có sắc pháp và các món tâm pháp... tích tụ, tức là danh sắc ấy cùng với pháp thức kia hỗ tương làm duyên, hòa hợp sanh ra, gọi là danh sắc. A-nan nên biết, pháp danh sắc là pháp hư vọng nên không rốt ráo. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy nên có lục xứ, cho nên lục xứ cũng không rốt ráo.

Lại nữa, pháp danh sắc ấy lấy gì làm duyên? Lấy pháp thức làm duyên, do pháp thức nên có danh sắc. Pháp thức nếu không thì làm gì có danh sắc? Pháp thức ấy ban đầu thọ sanh ở trong thai của mẹ, nương vào Yết-lã-lam. Pháp thức đầy đủ rồi, không có tăng giảm. Vì Thức làm nhân duyên nên sanh ra các uẩn. Danh sắc như vậy hoàn toàn đầy đủ. Nên biết thức ấy cùng danh sắc kia hỗ tương làm duyên mà được sanh khởi.

Lại nữa, nên biết pháp duyên với thức này chính là danh sắc, cho nên thức là duyên của danh sắc, danh sắc là duyên của thức. Do vậy mà sanh ra quả khổ, quả khổ đã sanh liền có già chết tương tục lưu chuyển. Do tập ấy, nhân ấy, sanh ấy, duyên ấy cho nên quả khổ là pháp hư vọng, không rốt ráo. Như vậy, từ nhân thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ. Như vậy là tích tập tạo ra một khối khổ lớn.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Tôn giả nên biết, các thứ ngôn ngữ và con đường của ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và con đường của phi ngôn ngữ; bị sanh và con đường đưa đến bị sanh, hai loại như vậy đều không xa lìa danh sắc. Nay A-nan, nếu hiểu rõ như vậy tức là trụ nơi nhận thức bình đẳng. Đó gọi là thông đạt pháp duyên sanh. Pháp duyên sanh này là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, chính là nơi chốn quay về của chư Phật.

Khi ấy Tôn giả A-nan tán thán:

-Lành thay! Bạch Thế Tôn, Ngài đã khéo nói pháp này, khiến cho chúng con và các Bí-sô đều được lợi lạc.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

-Nay Ta vì Tôn giả mà giảng nói pháp vô thọ. Tôn giả nên lắng nghe và thọ trì; phải tác ý để ghi nhớ, tư duy một cách khéo léo. A-nan nên biết, lìa bỏ ngã tướng đó là pháp vô thọ. Vì sao? Vì pháp ngã

nếu có thì pháp thọ theo đây liền sanh. Vì do hiểu rõ pháp ngã là không thì làm gì có pháp thọ? Nay A-nan, pháp ngã và pháp thọ cả hai đều đã diệt, thì không có sở hữu, trụ vào nhận thức bình đẳng.

Nay A-nan, pháp thọ có ba loại. Đó là lạc thọ, khổ thọ và phi khổ lạc thọ. Gọi là lạc thọ tức người thọ cùng pháp được thọ, đối với hai thứ ấy, nếu có thể thấy rõ được đó là pháp hoại diệt, liền không có lạc thọ. Do đây cũng không có pháp được thọ. Vì sao? Nên biết lạc thọ là pháp vô thường. lạc thọ đã diệt liền lìa ngã tướng; ngã tướng đã không có thì làm gì có thọ?

Lại nữa, khổ thọ, đó là người thọ và pháp được thọ, cả hai loại ấy nếu có thể hiểu rõ được là pháp hoại diệt liền không có khổ thọ. Do đây cũng không có pháp được thọ. Vì sao? Nên biết khổ thọ là pháp vô thường. Khổ thọ đã diệt thì liền xa lìa ngã tướng; ngã tướng đã không thì làm gì có thọ?

Lại nữa, phi lạc khổ thọ cũng như vậy, là nói người thọ và pháp thọ, cả hai loại ấy, nếu có thể hiểu rõ đều là pháp hoại diệt, liền đối với khổ, lạc và phi khổ lạc, ba pháp đều bình đẳng nên không có đối tượng được thọ. Vì sao? Vì ba pháp thọ này đều là vô thường, rốt ráo không thật có. Thọ ấy đã diệt thì liền lìa ngã tướng; ngã tướng đã không thì làm gì có thọ?

Nay A-nan, ý của Tôn giả thế nào? Nên biết các thọ từ tâm sanh ra, do tâm không chuyển nên nội tâm không thọ; vì pháp không thật nên bên ngoài không có đối tượng để thọ. Cho nên nay A-nan, biết rõ như vậy liền an trụ nơi nhận thức bình đẳng. An trụ nơi nhận thức ấy là vì đã thấu đạt pháp vô thọ. Pháp vô thọ này chính là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chốn quay về của chư Phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan lại tán thán:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, Ngài đã khéo giảng nói pháp này, chúng con nghe rồi tin hiểu, thọ trì.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Nay Ta vì Tôn giả, giảng nói pháp vô ngã. Các vị hãy lắng nghe lãnh thọ, khéo tác ý, ghi nhớ và tư duy. Nay A-nan, khi đã rõ thọ là vô sở hữu thì liền lìa ngã kiến, lìa ngã kiến rồi thì liền trụ vào nhận thức bình đẳng. Người đã trụ vào tri kiến ấy thì đối với các

tướng đều bình đẳng, do nhận thức bình đẳng nên đối với thế gian không thấy có sanh khởi. Đã rõ vô sanh nên liền đạt được: “Sự sanh của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa”.

A-nan nên biết, ngã kiến không sanh, trụ vào tri kiến bình đẳng, như vậy liền được tâm khéo giải thoát, vô tri, vô kiến và vô sở đắc, lia các suy nghĩ đối với đắc và vô đắc, chẳng phải là hữu đắc, cũng chẳng phải là vô đắc mà biết rõ rốt ráo. Biết rõ như vậy nên đối với ngôn ngữ và con đường của ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và con đường của phi ngôn ngữ, sự sanh và con đường của sự sanh đều hoàn toàn vô tri, vô kiến. Đã biết rõ như vậy rồi, liền lia ngã kiến, trụ nơi tri kiến bình đẳng, biết rõ như thật. Như vậy gọi là đạt được pháp vô ngã. Đó là pháp căn bản của chư Phật, là con mắt của chư Phật, là nơi chốn quay về của chư Phật.

Khi ấy Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy lại tán thán:

–Lành thay! Thưa Thế Tôn, Ngài đã khéo giảng nói pháp này, chúng con nghe rồi, tin hiểu và thọ trì.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan:

–Ta nay vì Tôn giả sẽ giảng nói một lần nữa, Tôn giả nên lắng nghe và thọ lãnh, nên tác ý, khéo nhớ nghĩ và tư duy. A-nan nên biết, không có sắc tướng có thể đạt được, lia các ngã chấp, biết rõ một cách như thật. Đã biết rõ rồi, quán tưởng thân này là vật hư hoại, không thật, chẳng đáng là đối tượng để yêu mến. Quán sát như vậy thì lia các sắc tướng, không sanh ngã chấp. Ngã tướng đã diệt nên biết rõ thân này là vật hư hoại, không thật, như vậy là được trụ nơi tri kiến bình đẳng. Người trụ nơi tri kiến này liền đối với các uẩn biết rõ đều là không; các uẩn đã là không thì với ngã và sắc tướng đâu còn kiến chấp?

Lại nữa, A-nan nên biết, trú xứ của thức gồm có bảy loại, chẳng phải trú xứ của thức gồm có hai loại. Bảy trú xứ của thức là:

Nếu có sắc, có chúng sanh, vô số thân, vô số tướng, đó là trú xứ thứ nhất của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, vô số thân mà có một tướng, đó là cõi trời Sơ thiên, là trú xứ thứ hai của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, một thân mà có vô số tướng, gọi là

cõi trời Nhị thiên, đó là trú xứ thứ ba của thức.

Nếu có sắc, có chúng sanh, một thân một tướng, gọi là cõi trời Tam thiên, đó là trú xứ thứ tư của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kia đều lìa các sắc tướng, gồm một hư không, gọi là cõi trời Không vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ năm của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kia xa lìa không tướng, chỉ gồm một thức, gọi là trời Thức vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, tất cả xứ kia lìa Thức vô biên, hoàn toàn vô sở hữu, gọi là trời Vô sở hữu xứ. Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Này A-nan, hai loại chẳng phải là trú xứ của thức là:

Nếu có sắc, có chúng sanh, tức là cõi trời Vô tướng. Đó là chốn thứ nhất chẳng phải là trú xứ của thức.

Nếu không có sắc, không có chúng sanh, ở nơi tất cả các xứ, lìa Vô sở hữu xứ, không có tướng, cũng không phải không có tướng, tức cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là chốn thứ hai chẳng phải là trú xứ của thức.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, Như vậy, có sắc có chúng sanh, vô số thân, vô số tướng. Đó là trú xứ thứ nhất của Thức. Này các Bí-sô, các vị nên biết rõ như thật. Khi đi, ngồi, nói năng, thường nên xưng tán các pháp môn này. Nên phân biệt thuyết giảng cho người khác nghe một cách rộng rãi, như vậy cho đến trú xứ thứ bảy của thức và hai pháp môn chẳng phải trú xứ của thức. Cũng như vậy, khi đi, ngồi, nói năng nên luôn xưng dương tán thán những điều chư Phật đã dạy, khởi lòng tin thanh tịnh, thấu đạt như thật. Nếu ai thấu đạt thì liền được trí tuệ giải thoát, chứng quả A-la-hán.

Lại nữa, A-nan nên biết, có tám pháp môn giải thoát, đó là:

Nếu bên trong có sắc, quán sắc bên ngoài thì đó là pháp môn giải thoát thứ nhất.

Nếu bên trong không có sắc, quán sắc bên ngoài thì đó là pháp môn giải thoát thứ hai.

Nếu thân chứng đắc, thanh tịnh, giải thoát thì đó là pháp môn

giải thoát thứ ba.

Nếu đạt được thanh tịnh rồi, lià các sắc tướng, quán tất cả như hư không, không có biên giới. Quán niệm như thế thành tựu rồi, thì đó là Không vô biên xứ, pháp môn giải thoát thứ tư.

Nếu lià Không vô biên xứ nên quán thức, với thức cũng nhận thấy là vô biên. Quán như thế thành tựu rồi thì đó là Thức vô biên xứ, là pháp môn giải thoát thứ năm.

Nếu đã lià Thức vô biên xứ, nên quán tất cả đều không có sở hữu. Quán như thế thành tựu rồi thì đó là “Vô sở hữu xứ, là pháp môn giải thoát thứ sáu.

Nếu đã lià Vô sở hữu xứ, nên quán Phi tướng phi phi tướng xứ. Quán như thế được thành tựu thì đó là, Phi tướng phi phi tướng xứ, là pháp môn giải thoát thứ bảy.

Nếu đã lià Phi tướng phi phi tướng xứ ấy, nên diệt thọ tướng, trụ nơi Tam-ma-địa. Pháp vị ấy đã thân chứng, chính là Diệt thọ tướng, là pháp môn giải thoát thứ tám.

Như vậy gọi là Tám pháp môn giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, Tôn giả nay nên biết, trước Ta đã nói về bảy trú xứ của thức, hai chỗ không phải là trú xứ của thức và tám pháp môn giải thoát. Này các Bí-sô, những điều Ta giảng nói các vị phải hiểu rõ như thật, thường nên tùy hỷ xưng tán, lại nên theo như lý mà tu tập. Nếu ai thông đạt các pháp môn này một cách viên mãn thì được hai thứ giải thoát, chứng quả A-la-hán.

Đức Thế Tôn nói kinh này xong, Tôn giả A-nan và các Bí-sô đều rất hoan hỷ, tin nhận, vâng làm.

